

# XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI THỰC TRẠNG VĂN HÓA – XÃ HỘI CỦA NGƯỜI KHMER Ở TỈNH TRÀ VINH

## CONSTRUCTION OF NEW RURAL AREA ASSOCIATED WITH THE SOCIO-CULTURAL SITUATION OF KHMER PEOPLE IN TRA VINH PROVINCE

Phùng Thị Phượng Khánh<sup>1</sup>

### Tóm tắt

*Bài viết bước đầu gợi mở một hướng xây dựng nông thôn mới mang tính đặc thù của tỉnh Trà Vinh: xây dựng nông thôn mới gắn với thực trạng văn hóa – xã hội của người Khmer. Nguồn tư liệu của bài viết là những văn bản về chủ trương, chính sách, chương trình và báo cáo về việc xây dựng nông thôn mới của Nhà nước, của Tỉnh và tư liệu về thực trạng văn hóa – xã hội của người Khmer ở tỉnh Trà Vinh.*

*Từ khóa: nông thôn mới, Trà Vinh, người Khmer.*

### Abstract

*This article is to initially propose a new direction of rural development based on specific characteristics of Tra Vinh province: Construction of new rural areas associated with the socio-cultural situation of the Khmer. The data source for this article is taken from the guidelines, policies, programs and reports on the construction of new rural areas of the State, the Province and the documents on the socio-cultural status of the Khmer in Tra Vinh province.*

*Keywords: new rural area, Tra Vinh, Khmer people.*

### 1. Mở đầu

Tỉnh Trà Vinh có hơn 30% dân số là người Khmer, sống tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn (Nguồn: travinh.gov.vn). Qua hơn 04 năm triển khai chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2010 – 2014), Trà Vinh hiện có 13/85 xã đạt 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, 5/85 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 36/85 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, riêng 31 xã còn lại đạt từ 7 - 9 tiêu chí (Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2015). Đây là kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, các xã đã đạt 19/19 tiêu chí Xây dựng nông thôn mới phần lớn là các xã có điều kiện tự nhiên thuận lợi, tỉ lệ người dân tộc Khmer còn thấp so với tổng dân số của xã, chẳng hạn như xã Mỹ Long Nam, Long Đức, Phú Cần... Một trong những nguyên nhân của việc chậm hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới là do tập quán sinh sống của đồng bào dân tộc Khmer. Vì vậy, để quá trình Xây dựng nông thôn mới thuận lợi và có ý nghĩa đối với người dân cần chú ý đến đặc điểm văn hóa tộc người, đặc biệt đối với những xã có đông người Khmer sinh sống, chính quyền tỉnh Trà Vinh nên có những điều chỉnh một cách uyển chuyển những chủ trương, chính sách và phương cách thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn

mới. Kết quả nghiên cứu trường hợp của tỉnh Trà Vinh sẽ đặt ra vấn đề đối với những nhà hoạch định chính sách, những tổ chức hữu quan đưa ra những tiêu chí xây dựng nông thôn mới cần quan tâm đến vấn đề văn hóa tộc người và đặc trưng vùng.

### 2.1. Việc thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới ở tỉnh Trà Vinh

Thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Trà Vinh đã tích cực triển khai vấn đề xây dựng Nông thôn mới. Theo đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2010 – 2015 đã khẳng định sự cần thiết, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới. Tỉnh ủy Trà Vinh đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04 tháng 10 năm 2011 về Xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020. Nghị quyết khẳng định:

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng yếu của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Xây dựng nông thôn mới theo phương châm phát huy nội lực của cộng đồng dân cư địa phương là chính.

- Thực hiện chương trình nông thôn mới trên cơ sở kế thừa và lồng ghép các chương trình, mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai ở nông thôn.

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Khoa Quản trị Văn phòng - Việt Nam học - Thư viện, Trường Đại học Trà Vinh

xã hội trọng yếu; tiến hành đồng thời ở tất cả các xã trọng điểm xây dựng nông thôn mới, thực hiện đồng bộ các tiêu chí, đầu tư có trọng tâm để phát huy hiệu quả đầu tư”.

Đồng thời, Nghị quyết cũng đã xác định mục tiêu của việc Xây dựng nông thôn mới tại Trà Vinh là “Xây dựng nông thôn mới của tỉnh có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ; gắn xây dựng nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; xã hội dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh...”

Thực hiện nội dung Nghị quyết trên, tỉnh Trà Vinh đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình Xây dựng nông thôn ở cấp tỉnh, cấp huyện, xã. Song song đó, các văn bản chỉ đạo của các cấp được ban hành thường xuyên theo nhu cầu thực tế. Trong giai đoạn 2011 – 2014, Ban Chỉ đạo Chương trình Xây dựng nông thôn mới đã ban hành trên 95 văn bản chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở và hướng dẫn các Sở, Ban, Ngành tỉnh và địa phương thực hiện nhiệm vụ, điển hình như sau:

- Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2012 về việc phê duyệt một số cơ chế chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ) đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 09/01/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Với sự chỉ đạo, thực hiện từ các cấp và nhân dân địa phương, quá trình Xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Trà Vinh đã đạt được một số kết quả như: đường giao thông nông thôn với các tuyến đường trục xã, liên xã được nhựa hóa đạt 274,61/332,59 km; trên 820 tuyến kênh các cấp với tổng chiều dài 1.033 km; 100% xã đã có điện lưới quốc gia;

có 85/85 xã của tỉnh đã được phê duyệt quy hoạch và đề án xây dựng xã nông thôn mới; thực hiện đề án Xây dựng nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2013 – 2015 và định hướng đến năm 2020, tất cả các huyện đã hoàn thành đang thẩm định phê duyệt; nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao được chuyển giao đến người dân như: mô hình nuôi bò vỗ béo, bò sinh sản, nuôi gà thả vườn, nuôi thủy sản nước ngọt, trồng dưa hấu theo phương pháp tiết kiệm nước; có 25/85 xã của tỉnh đạt thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt 21,46 triệu đồng (so với năm 2010 là 12,433 triệu đồng); số hộ nghèo đến cuối năm 2014 là 36.841 hộ, chiếm 13,96%, giảm 9,67% so với năm 2010; về đầu tư phát triển hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường được chú trọng; bộ mặt nông thôn ngày càng chuyển biến tích cực (Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2015). Chương trình Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tại Trà Vinh đã đạt được những kết quả bước đầu khả quan. Từ đó, đời sống người dân tại nông thôn ngày càng được nâng cao, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc Khmer; bộ mặt nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực.

Đó là kết quả cần được khích lệ và tiếp tục cố gắng phát huy trong thời gian tới. Tuy nhiên, việc Xây dựng nông thôn mới tại Trà Vinh vẫn đang gặp một số khó khăn nhất định:

- Nhận thức của một bộ phận cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở và người dân về Xây dựng nông thôn mới còn những hạn chế, còn thụ động trông chờ vào sự hỗ trợ từ trung ương, của tỉnh; vì thế, chưa phát huy hết vai trò của cộng đồng dân cư địa phương.

- Nhu cầu kinh phí đầu tư để hoàn thiện các tiêu chí liên quan đến lĩnh vực cơ sở hạ tầng là rất lớn, trong khi đó nguồn lực của tỉnh Trà Vinh là có giới hạn; chính vì vậy, việc triển khai còn gặp khó khăn.

- Cơ chế phối hợp, hỗ trợ từ các Sở, Ban, Ngành của tỉnh với các địa phương chưa chặt chẽ, dẫn đến việc đánh giá, rà soát thực trạng và nhu cầu đầu tư hoàn thành các tiêu chí của các xã, huyện không hoàn toàn chính xác.

- Một số xã, huyện chưa dựa vào tình hình thực tế tại địa phương để đưa ra các đề xuất giải pháp ưu tiên đầu tư, nhất là việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất, chậm nhân rộng các mô hình hiệu

quả, phát triển kinh tế - xã hội chưa thật sự đồng bộ.

- Trình độ cán bộ thực hiện công tác nông nghiệp, nông thôn vẫn còn hạn chế, đặc biệt là đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer cũng như đặc điểm của nông dân Khmer tại Trà Vinh. (Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2015). Như vậy, có thể nhận thấy rằng việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tại Trà Vinh đã đạt một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn tồn tại một số khó khăn, hạn chế cần được tập trung giải quyết, trong đó có yếu tố liên quan đến đồng bào dân tộc Khmer.

## 2.2. Về thực trạng văn hóa – xã hội của người Khmer ở Trà Vinh

### *Về địa bàn cư trú*

Trà Vinh là một trong những tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long có đông người Khmer cư trú. Môi trường và điều kiện sống hiện nay có nhiều biến đổi nhưng đồng bào dân tộc Khmer nơi đây vẫn còn lưu giữ được những nét văn hóa độc đáo của mình.

Người Khmer là tộc người có mặt ở Trà Vinh từ rất sớm. Dù sống xen kẽ và có mối quan hệ giao thoa văn hóa với người Kinh, người Hoa trong nhiều thế kỷ nhưng người Khmer vẫn bảo lưu được nhiều yếu tố văn hóa truyền thống tộc người.

Người Khmer xưa kia thường sinh sống trên các gò phù sa cổ, cao hơn mặt ruộng từ 1 đến 2 mét, gọi là *phnor* (người Việt gọi là giồng). Những đơn vị cư trú truyền thống của người Khmer đã được hình thành và xác lập trên các *phnor* này gồm: phum, sóc.

Theo Phan An, phum là tập hợp những gia đình cùng cư trú trên một khoảng đất nhất định, thường khoảng từ 5 đến 10 gia đình hoặc nhiều hơn và sóc bao gồm nhiều phum (...), ranh giới giữa các sóc rõ ràng (Phan An, 2009, tr.81-82).

Các phum, sóc này tập trung thành các khu vực rộng lớn nhưng việc giao lưu giữa các khu vực còn hạn chế do điều kiện giao thông còn khó khăn. Hiện nay, người Khmer sinh sống thành từng cộng đồng ở ba vùng môi sinh: vùng nội địa, vùng ven biển và vùng đồi núi Tây Nam. Ở Trà Vinh, người Khmer cư trú trên các giồng ven sông và vùng duyên hải ven biển (huyện Duyên Hải, huyện Trà Cú) là vùng đất bị nhiễm mặn, thiếu nước ngọt, khó khăn cho việc phát triển nông nghiệp, nên đời sống của cư dân nơi đây nhìn chung còn thấp.

Số liệu điều tra năm 2002 của Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh cho thấy huyện Trà Cú là địa bàn có đông người Khmer nhất trong tỉnh (chiếm 59,17% trên tổng số người Khmer ở tỉnh), huyện Châu Thành (40,99%), huyện Cầu Ngang (33,31%).

**Bảng: Tổng số hộ Khmer phân bố ở Trà Vinh năm 2002**

STT	Huyện, thị	Số hộ	Số người	Tỷ lệ
1	Thị xã Trà Vinh	3.828	17.226	23,91
2	Huyện Càng Long	1.910	9.168	5,56
3	Cầu Kè	7.689	36.907	30,47
4	Tiểu Cần	6.784	31.261	30,00
5	Trà Cú	20.955	99.431	59,17
6	Châu Thành	12.021	56.501	40,99
7	Cầu Ngang	9.221	45.884	33,31
8	Duyên Hải	3.076	14.372	16,73
Cộng toàn tỉnh		65.484	310.750	

(Nguồn: Phan An, 2009, tr.128)

Tại xã Nhị Trường “toàn xã có 16.950 người với 2.193 hộ người Khmer, chiếm gần 90% dân số toàn xã”. Xã này vốn là địa bàn cư trú lâu đời của người Khmer nên xã có 11 ấp mang tên gọi Khmer: Nôlua A, B, Bôngven, Baso, Laca A, B, Tua, Chông Bạt, Giồng Thanh... (Phan An 2009, tr.53-54)

### *Về phương thức sinh sống*

Tại Trà Vinh, khoảng 90% hộ gia đình người Khmer sống bằng nông nghiệp lúa nước. Xã Nhị Trường có tổng diện tích 610,13 ha, trong đó có 301,4 ha là ruộng lúa. Mỗi năm, người Khmer canh tác ít nhất hai vụ, với các kỹ thuật khá tiên bộ, người dân đã sử dụng máy móc trong các khâu làm đất, thu hoạch. Tiếp thu kỹ thuật canh tác của người Việt nên người Khmer đã gieo trồng những giống lúa cao sản, dùng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu để tăng năng suất lúa.

Ngoài sản xuất nông nghiệp lúa nước, người Khmer còn trồng thêm các loại hoa màu trên các khu đất giồng. Tuy nhiên, trong cơ cấu nông nghiệp nói chung, diện tích trồng hoa màu chỉ chiếm tỉ lệ thấp; ngoài số ít chuyên canh như dưa hấu, đậu phộng,... thì đa số vẫn xem việc trồng hoa màu nhằm cải thiện bữa ăn gia đình và phục vụ cho việc chăn nuôi gia súc.

Hoạt động chăn nuôi còn mang tính chất khép kín trong phạm vi phum, sóc và chưa có sự đầu tư đúng mức nên hiệu quả mang lại chưa thật đáng kể. Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm của người Khmer vẫn chưa tách khỏi nông nghiệp, còn mang tính chất gia đình, nhằm tận dụng nguồn nông sản dư thừa, cận thức ăn.

Đối với tiểu thủ công nghiệp, người Khmer khéo tay trong nghề đan lát, làm gốm truyền thống. Đặc biệt, người Khmer ở Trà Vinh nổi tiếng với nghề vẽ, chạm trổ, đúc tượng Phật. Tính độc đáo và sự khéo léo của người Khmer về nghề này đã được thể hiện qua các ngôi chùa trong phum, sóc. Số người Khmer sống bằng nghề buôn bán rất ít. Nếu có thì chỉ là buôn bán nhỏ với các tiệm tạp hóa, dịch vụ nhỏ..., một số hộ gia đình vừa buôn bán nhỏ vừa canh tác nông nghiệp hoặc làm dịch vụ nhỏ như sửa xe, nhân công cho các xưởng sửa chữa, công nhân trong một số công ty giày da, túi xách...

Như vậy, có thể thấy kinh tế của người dân tộc Khmer ở Trà Vinh vẫn còn mang tính chất tự cấp, tự túc, quy mô nhỏ. Nông sản và các sản phẩm thủ công, chăn nuôi... hầu như chỉ đủ cung cấp cho sinh hoạt của những gia đình trong phum, sóc. Việc trao đổi hàng hóa, buôn bán của nông dân còn hạn chế. Buôn bán chưa phổ biến và chưa chiếm vị trí quan trọng ở vùng nông thôn, nơi có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Tuy nhiên, trong những năm gần đây hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Khmer không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng ngày trong gia đình mà còn cung cấp cho thị trường lúa gạo. Một trong những thay đổi quan trọng là việc cải tạo vườn tạp để trồng các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao (như xoài, sầu riêng, cam, bưởi, nhãn...).

Dù có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực trong phương thức sinh sống như vừa kể trên nhưng vùng nông thôn Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và ở Trà Vinh nói riêng vẫn còn hai vấn đề chưa giải quyết được: thiếu đất hoặc không có đất canh tác và tình trạng nghèo đói. Đây cũng là những nguyên nhân dẫn đến việc xã không hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới. Có nhiều lý do khiến nông dân Khmer thiếu đất hoặc không có đất canh tác: chủ yếu là do sự gia tăng dân số, địa bàn cư trú giáp với biển đất đai nhiễm mặn, nhiễm phèn, thủy lợi khó khăn ảnh hưởng đến năng suất canh tác, cuộc sống bị thiếu thốn. Theo Phan An, có 5 - 10 hộ nông dân Khmer không có ruộng đất canh tác và 40 - 45% hộ nông dân chỉ có dưới 1 ha ruộng đất (bình quân mỗi hộ có 6 người)" (Phan An, 2009, tr.52). Tuy nhiên, trên thực tế, số hộ không có đất có lẽ cao hơn rất nhiều do "Một số hộ nông dân Khmer trên giấy tờ (sở chủ quyền) vẫn có đất, nhưng trên thực tế số ruộng đất của họ đã bị sang nhượng, cầm cố". (Phan An, 2009, tr.52)

### *Về đặc điểm văn hóa – xã hội:*

Đời sống văn hóa - xã hội của người Khmer tại Trà Vinh một mặt mang đậm nét truyền thống dân tộc, mặt khác còn thể hiện sự giao lưu văn hóa với cộng đồng người Kinh, Hoa.

Người Khmer theo Phật giáo quan niệm "sống gửi thác về" nên không coi trọng ngôi nhà, nhà ở không cần phô trương biểu thị về sự giàu sang, bề thế của gia đình, họ tộc. Là cư dân nông nghiệp nên nhà ở của người Khmer gắn với cảnh quan nông thôn. Phần lớn nhà ở của người Khmer được làm từ vật liệu có sẵn trong môi trường: gỗ, tre, lá dừa nước, chỉ có một gian, được ngăn làm hai buồng nhỏ bằng một tấm vách lá. Cửa nhà nằm ở giữa, thường hướng ra sông, rạch hoặc đường, hai bên có cửa sổ nhỏ. Phía sau nhà có một chái nhỏ dùng làm bếp và chứa các đồ dùng, công cụ sản xuất. Ngày nay, đời sống vật chất được cải thiện, trong cộng đồng người Khmer xuất hiện nhiều nhà hai hoặc ba gian nhưng thực ra chúng vẫn mang kiến trúc của kiểu nhà một gian và được nối mái thêm.

Về tôn giáo, người Khmer ở Trà Vinh phần lớn theo Phật giáo Nam tông. Họ quan niệm dù ở nhà hay tu ở chùa thì người Khmer vẫn là con Phật. Đối với họ, tu không phải để thành Phật mà là tu để làm người có nhân cách, phẩm chất... Đồng thời đi tu theo nếp nghĩ truyền thống là một cách tích phước cho cha mẹ, gia đình và bản thân. Họ ý thức trong cuộc đời ít ra cũng một lần đi tu, đó là nghĩa vụ và vinh dự. Chính vì lẽ đó, ngôi chùa đối với đồng bào Khmer có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Chùa không chỉ là nơi diễn ra các lễ nghi tôn giáo mà còn là sự gắn bó tình cảm ngay từ buổi đầu khai hoang. Ngoài ra đây còn là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt văn hóa của đồng bào, là môi trường giáo dục trẻ em Khmer từ thời niên thiếu. Chính vì những chức năng này mà quan hệ giữa ngôi chùa với đồng bào Khmer rất gắn bó với nhau. Người Khmer sẵn sàng góp công, góp của để xây dựng ngôi chùa của phum, sóc mặc dù trên thực tế đời sống của họ còn rất nhiều khó khăn.

Về lễ hội, căn cứ vào nguồn gốc, tính chất lễ, lễ hội của đồng bào dân tộc Khmer, có thể phân chia: các lễ truyền thống của dân tộc, các lễ bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian, các lễ bắt nguồn từ Phật giáo.

- Các lễ truyền thống dân tộc:

Lễ hội năm mới (Chol Chnam Thmay), Lễ cúng ông bà (Pithi sên Đôn-ta), Lễ cúng trăng (Ron sâm peah preah khe hoặc Óc om bok)

- Các lễ bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian (17 lễ).
- Các lễ bắt nguồn từ Phật giáo (13 lễ).

Bên cạnh đó, đồng bào dân tộc Khmer tại Trà Vinh còn mang trong mình yếu tố tín ngưỡng độc đáo:

Có thể thấy, văn hóa tín ngưỡng đồng bào Khmer hết sức phong phú. Nó thực hiện chức năng cố kết cộng đồng và trở thành một nét văn hóa riêng đặc sắc để phân biệt họ với các dân tộc khác. Tuy nhiên, lễ nghi của đồng bào dân tộc Khmer tại Trà Vinh khá nhiều và nghi thức cầu kỳ, kéo dài nhiều ngày và gây khá nhiều tốn kém.

“Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long” do tác giả Võ Văn Sen (chủ biên) đã đưa ra bản báo cáo “Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam”. Kết quả cho thấy, vấn đề đói nghèo của các tỉnh tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long được xếp hạng như sau:

1. Trà Vinh, Sóc Trăng: xếp thứ 25 với tỉ lệ nghèo đói là 43%.
2. Kiên Giang, An Giang: xếp thứ 31 với tỉ lệ nghèo đói là 40%.

Các địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống thường có tỉ lệ nghèo đói khá cao. Số hộ Khmer nghèo cũng chiếm tỉ lệ đáng kể về số hộ nghèo ở các tỉnh, và Trà Vinh cũng không là ngoại lệ. Có thể phân tích một nguyên nhân sau: đồng bào dân tộc Khmer có đặc điểm mặc dù gia đình có nhiều khó khăn nhưng họ sẵn sàng góp tiền, công sức vào các lễ, lễ hội, đặc biệt là trong các chùa.

Ở phương diện khác, phần lớn người Khmer ở Trà Vinh sống ở vùng sâu, vùng xa, giao thông khó khăn và trong chừng mực nào đó “người Khmer ngại ngừng, e dè trong việc quan hệ, tiếp xúc với chính quyền” nên họ thiếu thông tin, thiếu hiểu biết về chủ trương chính sách của nhà nước. (Phan An, 2009, tr.50). Mặt khác, đời sống của cư dân nông thôn Khmer vẫn còn bị chi phối bởi những giáo lý của Phật giáo, của phong tục tập quán, nếp sống cổ truyền. Điều này tạo nên một “xã hội nông thôn khép kín, tạo cho nông dân Khmer có sự yên bình và có phần chậm chạp” (Phan An, 2009, tr.60).

### 2.3. Xây dựng nông thôn mới gắn với thực trạng văn hóa – xã hội của người Khmer

Công tác xây dựng Nông thôn mới tại Trà Vinh, đặc biệt là khu vực có đông đồng bào dân

tộc Khmer đang gặp một số khó khăn nhất định. Điển hình như tiêu chí về Cơ cấu lao động, về tỉ lệ cán bộ xã đạt chuẩn. Trong giai đoạn tiếp theo, việc triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới cần chú ý đến các đặc điểm tự nhiên, văn hóa xã hội của đồng bào dân tộc.

#### *Về công tác đào tạo nghề cho người Khmer*

Một trong những nguyên nhân nghèo đói của người Khmer ở nông thôn là nguồn lao động không có tay nghề, việc đào tạo nghề cho người Khmer là vấn đề cấp thiết cần được thực hiện. Theo Bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới, tiêu chí về Văn hóa – Xã hội – Môi trường yêu cầu lực lượng lao động đã qua đào tạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có Trà Vinh) phải đạt lớn hơn 20%. Yêu cầu này là khá cao đối với khu vực nông thôn có đông đồng bào Khmer sinh sống. Vì vậy, công tác đào tạo nghề cần được đặc biệt chú trọng. Trong đó, hướng đến việc mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn.

Một hạn chế lớn hiện nay của chương trình đào tạo nghề cho lao động là chưa gắn với đầu ra, thiếu tính liên kết giữa đơn vị dạy nghề với các đơn vị sử dụng lao động, không có chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững. Vì thế, tác giả cho rằng các chương trình đào tạo này cần được đặt tại khu vực sinh sống của đông đồng bào, để cho họ có thể vừa học, vừa không bỏ ruộng nương, công việc hằng ngày. Bên cạnh việc đào tạo nghề, cần gắn với việc tạo việc làm tại nông thôn cũng như yếu tố đầu ra của sản phẩm. Trên thực tế, đa số đồng bào có trình độ chưa cao nhưng họ lại vốn rất khéo léo trong việc phát triển các nghề truyền thống. Do vậy, việc đào tạo nghề ngắn hạn cần gắn với các nghề truyền thống vốn có của đồng bào là cần thiết, mang tính thực tế cao. Có như vậy mới có thể giải quyết lực lượng lao động nhàn rỗi rất lớn tại nông thôn.

Đặc biệt việc đào tạo, phát triển nghề cần gắn với các cơ sở tôn giáo. Đối với đồng bào Khmer, ngôi chùa không chỉ là trung tâm sinh hoạt Phật giáo mà còn là trung tâm sinh hoạt cộng đồng. Chùa là biểu tượng đặc trưng cho văn hóa dân tộc Khmer, nơi rèn luyện đạo đức và nhân cách con người, cũng là nơi giáo dục cho thanh niên người Khmer. Ngôi chùa và các sư sãi có vai trò quan trọng trong mọi mặt đời sống của đồng bào dân tộc Khmer. Chùa không chỉ là nơi gắn liền với đồng sống tâm linh, sinh hoạt tôn giáo của người Khmer tại nông thôn Trà Vinh mà từ xa xưa, ngôi chùa còn là nơi đào tạo những trí thức cho

phum sóc Khmer, góp phần rất lớn vào việc gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa của đồng bào Khmer. Không chỉ là nơi đào tạo tri thức, là nơi gửi gắm niềm tin tôn giáo, nhà chùa còn là nơi trang bị những kỹ năng khá hoàn chỉnh mà có thể hiểu đơn giản là nơi đào tạo nghề cho những vị sư trước khi hoàn tục. Có những vị sư sãi, khi hoàn tục trở lại cuộc sống của người bình thường, họ đã có được cho mình một nghề đủ nuôi sống bản thân, gia đình. Thậm chí, với sự năng động của nhiều người, từ những nghề được học khi còn là sư sãi trong chùa, họ có thể làm kinh tế và làm giàu được với nghề họ đã học được. Có thể đơn cử những ngành nghề truyền thống mà nhà chùa thường trang bị cho sư sãi và vẫn duy trì cho đến ngày nay như điêu khắc chạm trổ, vẽ tranh sơn dầu (đa phần là vẽ trên vải, trên chảnh điện, tịnh xá, hòm truyền thống người Khmer...), thợ gỗ (đóng bàn ghế, giường tủ...). Mặt khác, khuôn viên các chùa Khmer thường rất rộng, phần diện tích chưa sử dụng rất lớn. Cho nên việc đào tạo nghề gắn với nơi tu hành cho thanh thiếu niên, đồng bào dân tộc Khmer sẽ tạo thêm công ăn việc làm góp phần thực hiện xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc Khmer, đồng thời là nơi truyền nghề, phát triển nghề truyền thống độc đáo của dân tộc mình.

#### *Tạo nguồn cán bộ chủ chốt là người Khmer*

Tiêu chí thứ 18 của Bộ tiêu chí về xây dựng Nông thôn mới đặt yêu cầu về việc cán bộ xã phải đạt chuẩn theo quy định. Vì thế, đào tạo đội ngũ cán bộ, trong đó có đội ngũ cán bộ cơ sở người dân tộc thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng. Đội ngũ cán bộ này là những người hiểu biết sâu sắc về phong tục tập quán, ngôn ngữ, lối sống, sinh hoạt của đồng bào Khmer nên rất thuận lợi trong tuyên truyền, vận động việc xây dựng Nông thôn mới cho đồng bào dân tộc hiểu và tự giác thực hiện có hiệu quả.

Mặt khác, phẩm chất đạo đức, năng lực của cán bộ cơ sở là người dân tộc có ảnh hưởng rất lớn đến tình cảm, thái độ và niềm tin của đồng bào Khmer vào công cuộc xây dựng Nông thôn mới. Xuất phát từ đặc điểm của các xã có đông đồng bào dân tộc sinh sống, tình hình kinh tế - xã hội phát triển chậm, trình độ dân trí còn thấp, khả năng am hiểu tiếng phổ thông rất hạn chế; cá biệt ở một số phum, sóc có nhiều người dân tộc không hiểu và không nói được tiếng phổ thông nên ở những nơi này muốn tuyên truyền, vận động các chương

trình, chính sách trong công tác xây dựng Nông thôn mới chỉ có thể thực hiện qua nguồn cán bộ người dân tộc Khmer. Và từ đây dẫn đến một tất yếu là việc đào tạo cán bộ nguồn dân tộc là hết sức cần thiết.

#### *Bảo tồn giá trị văn hóa Khmer với việc xây dựng nông thôn mới*

Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới đã nhận định: “*không thể đô thị hóa nông thôn, ở đâu cũng một hình ảnh đường bê tông, đường nhựa, nhà kính cổng cao tường như phố, để con cháu sau này lên án chúng ta*”. Như vậy, định hướng đó đã thể hiện rằng việc xây dựng Nông thôn cần gắn với việc bảo tồn các giá trị văn hóa đặc trưng. Điều đó càng đúng với việc xây dựng Nông thôn mới tại Trà Vinh, nơi có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống ở khu vực nông thôn.

Như đã phân tích ở trên, việc đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc Khmer gắn với các làng nghề truyền thống. Nếu chú trọng đến việc gắn du lịch của địa phương với các đặc điểm độc đáo của dân tộc, các làng nghề sẽ là phương thức hay để thay đổi bộ mặt nông thôn tại Trà Vinh.

Trà Vinh có nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển loại hình du lịch này. Với cách thực hiện này, chúng ta có thể giải quyết được nhiều yếu tố: giải quyết việc làm tại nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer; cùng với đó là việc phát triển các làng nghề bởi hiện tại một số làng nghề đang đóng vai trò quan trọng tại khu vực đồng bào Khmer ở vùng nông thôn Trà Vinh.

Làng nghề đóng góp tích cực về tạo công ăn việc làm. Vì đặc điểm chủ yếu của các làng nghề này là sản xuất thủ công và sử dụng nhiều sức lao động. Số lượng lao động của các cơ sở sản xuất rất đa dạng, tùy theo quy mô của cơ sở sản xuất và ngành nghề của làng nghề. Các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ sử dụng lao động thường xuyên từ hai đến bốn người. Tuy nhiên, các cơ sở sản xuất nếu được mở rộng với quy mô lớn có thể sử dụng hàng chục lao động. Số lượng lao động tham gia sản xuất phi nông nghiệp còn nhiều hơn nếu tính cả lao động thời vụ. Trung bình mỗi hộ sản xuất thu hút thêm 2 - 5 lao động, còn mỗi cơ sở thu hút 8 - 10 lao động thời vụ. Làng nghề còn có nhiều đóng góp ý nghĩa khác, tạo việc làm cho lao động lớn tuổi, lao động trình độ văn hóa thấp hay lao động có hoàn cảnh

gia đình khó khăn. Những lao động này nếu không tham gia sản xuất phi nông nghiệp sẽ khó tìm được việc làm ở các khu công nghiệp hay những công việc khác.

*Vận động người Khmer tiết kiệm trong các hoạt động lễ hội*

Như đã phân tích ở trên, trong một năm đồng bào dân tộc Khmer có nhiều lễ hội. Các lễ hội này, xét trên phương diện văn hóa, là yếu tố quan trọng trong việc cố kết cộng đồng; nhưng xét trên phương diện kinh tế thì người dân đã khá lãng phí. Vì vậy, việc vận động đồng bào Khmer thực hành tiết kiệm là điều cần thiết. Các lễ hội vẫn diễn ra theo phong tục địa phương nhưng các cấp chính quyền cần vận động, khuyến khích người dân vui chơi trong giới hạn kinh tế của gia đình, địa phương. Công tác vận động cần được thực hiện thường xuyên, sâu rộng đến từng phum, sóc. Cùng với đó là việc tác động đến các vị sư cả trong chùa nhằm đạt hiệu quả tốt hơn. Nếu thực hiện tốt công tác này, sẽ tiết kiệm cho địa phương một khoản chi phí rất lớn, tập trung cho việc xây dựng các yếu tố khác của nông thôn mới.

### 3. Kết luận

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác xây dựng Nông thôn mới, chính quyền và nhân dân Trà Vinh đã tích cực triển khai và đạt được một số kết quả khá quan trọng: bộ mặt nông thôn, đời sống người dân có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, tại một số địa phương việc xây dựng Nông thôn mới còn gặp phải một số khó khăn. Trong đó có thể kể đến đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của khu vực có đông đồng bào Khmer sinh sống. Các đặc điểm về nơi cư trú, sinh hoạt sản xuất của đồng bào nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn; đặc điểm về đời sống văn hóa tinh thần cũng là một trở ngại khá lớn trong việc hoàn thành tất cả các tiêu chí của Nông thôn mới. Các giải pháp đưa ra trong bài viết nhằm hướng đến việc xây dựng thành công Nông thôn mới tại Trà Vinh dựa trên những phân tích về đặc điểm nông nghiệp, nông thôn của đồng bào dân tộc Khmer tại Trà Vinh. Nhìn tổng thể ra, việc xây dựng Nông thôn mới tại Trà Vinh cần luôn được đặt trong mối quan hệ với đặc điểm đặc thù của đời sống đồng bào dân tộc Khmer.

### Tài liệu tham khảo

Phan, An. 2009. *Dân tộc Khmer ở Nam Bộ*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh. 2015. *Báo cáo của Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh về kết quả triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong 04 năm (2011-2014) và kế hoạch năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia, HN.

Hồ Chí Minh. 2009. *Hồ Chí Minh toàn tập – tập 4*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Võ, Văn Sen. 2010. *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

Tỉnh ủy Trà Vinh. 2011. *Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04 tháng 10 năm 2011 về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015*.

Thủ tướng Chính phủ. 2010. *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*.

Thủ tướng Chính phủ. 2013. *Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*.

Thủ tướng Chính phủ. 2013. *Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 về việc bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020*.